

Số: 60/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 03 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2016, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 159, đường Bà Gia, tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn Đ và bà Đào Thị L.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển 03 ngày 15/9/1995 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hiện cháu Lê Diệp Thanh Th, sinh ngày 21/9/1996 đã thành niên có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về tài sản: Giao cho bà Đào Thị L được quyền sở hữu, quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà cấp 4 và tài sản vật dụng trong nhà cấp 4 hiện bà Đào Thị L đang quản lý nằm trên một phần thửa đất 355, tờ bản đồ 19, bộ bản đồ tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ một phần thửa đất 355, tờ bản đồ 19, bộ bản đồ tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có diện tích 927 m² theo kết quả họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thiết lập ngày 16/11/2021.

(Đính kèm theo họa đồ thửa đất theo hiện trạng để giải quyết vụ án sau ly hôn do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thiết lập ngày 18/01/2020 và họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thiết lập ngày 16/11/2021).

Đối với một phần diện tích đất còn lại thửa đất 355 và các thửa đất số 353; 354 và 358. Ông Đ, bà L xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Lê Văn Đ, bà Đào Thị L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa... theo quy định.

- Về nợ chung, nợ riêng: Ông Lê Văn Đ, bà Đào Thị L xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Đ, bà Đào Thị L xác định đã được quyết toán xong.

- Về án phí: Ông Lê Văn Đ thỏa thuận nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng (*một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn*) ông Lê Văn Đ đã nộp là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002481 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên ông Lê Văn Đ còn phải nộp 1.075.000 đồng (*một triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Bà Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng (*một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Đào Thị L đã nộp trước là 6.287.500 đồng (*sáu triệu, hai trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002448 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả lại cho bà Đào Thị L số tiền chênh lệch là 5.162.500 đồng (*năm triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lập